

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 95/2018/DS-PT**  
**Ngày: 09/5/2018**  
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng  
đất và bồi thường thiệt hại về tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Võ Kế Nghiệp

2- Ông Phan Văn Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10  
năm 2017 về “tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án  
nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2017/QĐ-PT ngày  
13/11/2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Trần Thị R, sinh năm 1941

2. Chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của bà R: NLQ3.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1984

Người đại diện theo ủy quyền của anh G: NLQ2

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đường Văn T, Văn phòng Luật sư Đường Minh Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1
2. NLQ2
3. NLQ3
4. NLQ4
5. NLQ5
6. NLQ6
7. NLQ7
8. NLQ8
9. NLQ9

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Trường G và NLQ2, NLQ9.

(Chị Kim A, NLQ2, NLQ3, NLQ9 và Luật sư có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Chị Lê Thị Kim A và NLQ3 trình bày:

Đất gia đình chị sử dụng gồm các thửa 38, 269, 104A, 104B, 105A, 105B, 106A, 106B, 107A, 107B, 108, các thửa đất này sử dụng chung không có ranh phân chia, giáp với đất anh Nguyễn Trường G là cái bờ chiều ngang gần 3m, hai bên đang tranh chấp một phần bờ ngang 1m, dài chia làm 02 đoạn: Đoạn bờ hậu cũ dài 126,6m, đoạn còn lại dài 329,31m. Bờ hậu cũ trước đây hai bên đều có mương, có bờ riêng, bờ bên gia đình chị thì trồng trà, bạch đàn, bờ bên anh G trồng bạch đàn và dừa, còn từ bờ hậu cũ trở ra hết đất trước đây hai bên đắp bờ đi chung.

Năm 2003, gia đình chị cho Kobe vào cuốc đất đổ đất lên phần bờ của gia đình từ bờ hậu cũ trở ra kênh bao, mặt bờ rộng ra khoảng 4,5m (có chừa ra 0,3m để đất không rớt xuống mương NLQ2, cha anh G). Gia đình chị trồng khóm

khoảng 3,5m bên bờ đã mức, còn bao nhiêu để đi lại. Phía anh G đã nhiều lần sở bờ, rồi nạo vét kênh nhưng không bỏ đất qua bờ đi chung mà bỏ qua bờ riêng bên trong nên phần bờ đi chung bị lở xuống mương bên anh G, hiện trạng bờ còn lại tới nay ngang đoạn từ 2,3m đến 3m. Khi gia đình chị chặt cây Tràm để kê Kobe đắp lại bờ thì bên NLQ2, anh G ra ngăn cản không cho bên gia đình chị sử dụng bờ.

Năm 2012, Ban lãnh đạo ấp có kết hợp với xã giải quyết thống nhất đo đạc lại và xác định nguyên bờ giáp ranh đất của hai bên thuộc quyền sử dụng của bên gia đình chị, NLQ2 đồng ý ký tên xác nhận ranh đất và không có khiếu nại gì nhưng vài tháng sau thì con NLQ2 là anh G lại nói đất anh G đứng tên nên tiếp tục ra tranh chấp.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ranh đất tranh chấp là phần bờ ngang 1m, dài khoảng 460m thuộc quyền sử dụng của gia đình chị.

\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là NLQ2 trình bày: Ông không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần đất giáp ranh với bà R là của ông sử dụng từ trước đến nay, năm 2011 ông tách quyền sử dụng đất cho con là Nguyễn Trường G đứng tên (phần tranh chấp ranh), hiện nay anh G vẫn ở chung nhà nhưng làm hộ khẩu riêng. Phần đất giáp ranh thì đoạn bờ hậu cũ của bà R ông có kè ra thêm 0,8m vào năm 1986, đến nay nước chảy lở đầu bờ 0,3m, còn lại 0,5m chạy dài vô trong 0,8m như cũ; đoạn bờ đắp chung, ông mượn đắp vào năm 1977 khoảng 1m, đến nay ông đòi lại 1m như cũ. Bình thường thì ông sử dụng mương để chở khóm, đi thì đi bờ khác, không có đi bờ tranh chấp nữa.

Trước đây xã V có kết hợp với ấp P hòa giải vụ tranh chấp ranh với bà R nhưng hòa giải với ông chứ anh G không có ký tên. Kết quả hòa giải Ủy ban nhân dân xã nói theo luật đo đất chiều ngang theo sơ đồ địa chính đất của hai bên, dư chia, thiếu cũng chia chứ không có xác minh gì, biên bản có đo, ông có ký tên, theo kết quả đo lúc đó thì nguyên phần bờ tranh chấp thuộc bên bà R hết. Ông nghĩ luật như vậy thì ông phải chịu và không khiếu nại nhưng anh G mới là người đứng tên quyền sử dụng đất nên đi khiếu nại kết quả này.

Anh G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R, yêu cầu Tòa án giải quyết phần bờ giáp ranh giữa đất anh G và bà R, Kim A thuộc bên anh G sử dụng, đầu bờ tranh chấp là 0,5m chạy dài vô hết bờ hậu cũ là 0,8m, tới bờ đắp chung giáp hết đất là 1m. Đồng thời yêu cầu bà R, chị Kim A bồi thường 09 cây Tràm đã chặt trên bờ tranh chấp với giá 2.000.000đồng.

\* NLQ1 có văn bản ngày 03/5/2017 với nội dung: anh G đang thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn tại ngân hàng nhưng việc tranh chấp ranh đất không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong hợp đồng vay. NLQ1 từ chối tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan và không có yêu cầu độc lập, đồng thời xin vắng mặt.

\* NLQ4, NLQ5, NLQ6 đều trình bày: Cha đã mất, đất hiện nay do mẹ quản lý và chia cho các anh chị em xong nên phần đất thuộc quyền sử dụng của những người đứng tên đất, các anh chị không có ý kiến gì trong vụ án và xin từ chối tham gia tố tụng.

\* NLQ7, NLQ8 trình bày: Phần đất đo đạc có dính thừa đất của anh chị vì gia đình sử dụng đất không có phân chia ranh với mẹ và em, phía bên anh chị không có dính bờ tranh chấp nên anh chị không có ý kiến gì và xin từ chối tham gia trong vụ án.

\* NLQ9 là mẹ của anh Nguyễn Trường G có cùng ý kiến và yêu cầu với NLQ2.

**\* Tại bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R và chị Lê Thị Kim A. Buộc anh Nguyễn Trường G, NLQ2 và NLQ9 chấm dứt hành vi cản trở, bao chiếm, trả lại phần bờ giáp ranh tranh chấp đo thực tế 360,2m<sup>2</sup> cho bà Trần Thị R và chị Lê Thị Kim A (có nêu tứ cận).

- Bác yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Trường G về việc buộc bà R trả lại phần bờ tranh chấp ngang ngoài 0,5m dài tới hết bờ hậu cũ 0,8m, chạy dài hết đất là 1m và bồi thường thiệt hại 09 cây Tràm với giá 2.000.000đồng.

(Vị trí các thửa đất của hai bên được xác định lại theo tờ trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên phù hợp số đo và diện tích trên thực địa theo Tờ trích đo địa chính số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G khi các đương sự có yêu cầu.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

\* Ngày 31/7/2017, anh G, NLQ2, NLQ9 cùng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận cho anh Nguyễn Trường G được quyền sử dụng phần bờ đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm NLQ2, NLQ9, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh G đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm đã sai sót, vi phạm thủ tục từ lúc thụ lý vụ án khi cùng một biên bản hòa giải ngày 16/8/2013 nhưng không thụ lý yêu cầu của anh G lại thụ lý yêu cầu của bà R; biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016 chỉ thể hiện số đo các cạnh liên quan đến việc tranh chấp, còn nhiều cạnh khác trong biên bản không có số đo, không có diện tích nhưng trích đo số 43-2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G lại thể hiện đầy đủ số đo các cạnh và diện tích là không đúng, không hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào trích đo này để xác định đất anh G dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp, không hợp pháp; các biên bản hòa giải ở địa phương cũng thể hiện số đo không giống nhau, phần bờ của NLQ2 vẫn còn thì tại sao lại bác toàn bộ yêu cầu của NLQ2 trong khi một số người làm chứng như ông Trương Thanh T, Phan Văn D, Phạm Hoàng E, Lương Văn C xác định còn gốc cây Bình Bát làm ranh và bờ NLQ2 còn khoảng 0,3-0,4m; bà R thừa nhận có việc đắp bờ đi chung từ thời cha bà và khi hòa giải tại địa phương bà R cũng đồng ý nhường cho phía anh G 0,4m để đi lại nhưng phía anh G không đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại, nếu có đủ căn cứ thì đề nghị sửa bản án sơ

thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận cho anh G được quyền sử dụng phần bờ đất tranh chấp.

Còn phía nguyên đơn chị Kim A, NLQ3 cho rằng kháng cáo của phía anh G, NLQ2 và NLQ9 là không có căn cứ nhưng vì tình nghĩa láng giềng và không muốn vụ án kéo dài thêm thời gian nên chị Kim A, NLQ3 tự nguyện nhường cho phía NLQ2, anh G phần đất chiều ngang 0,4m, chiều dài 455,76m, chi phí đo đạc và thẩm định thì phía NLQ2 phải chịu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh G, NLQ2, NLQ9, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ theo khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Phần đất tranh chấp giữa bà R và anh G được xác định là phần bờ giáp ranh đo đạc thực tế diện tích 360,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, có các cạnh gồm: Cạnh giáp đất Nguyễn Trường G là 455,76m; cạnh giáp đất Lê Thị Phụng H, Trần Thị R 0,6m; cạnh giáp đất Trần Thị R, Lê Thị Kim A là 455,91m; cạnh giáp đất Trần Thị R, Nguyễn Văn T là 01m.

Xét thấy, bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A là người đứng tên quyền sử dụng các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03 gồm: thửa 38 diện tích 2.201,34m<sup>2</sup>, thửa 269 diện tích 2.201,34m<sup>2</sup>, 104A diện tích 5.541m<sup>2</sup>, 105A diện tích 1.365m<sup>2</sup>, 106A diện tích 1.490m<sup>2</sup>, 106B diện tích 1.490m<sup>2</sup>, 107A diện tích 1.003m<sup>2</sup>, 107B diện

tích  $1.003\text{m}^2$ , 108 diện tích  $10.064\text{m}^2$ , (thửa 104B diện tích  $5.541\text{m}^2$  và thửa 105B diện tích  $1.365\text{m}^2$  do NLQ7 sử dụng), các thửa đất liền với nhau không phân chia ranh. Còn anh Nguyễn Trường G là người đứng tên quyền sử dụng đất thửa 102 diện tích  $11.615\text{m}^2$  và 103 diện tích  $6.552\text{m}^2$ , giáp ranh với các thửa đất 38, 269, 104A, 105A, 106A, 106B, 107A, 107B, 108 có tranh chấp.

[3] Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016, ngày 12/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G (bút lục 75-79, 81, 137-142) thì phần đất của anh G (chưa tính phần tranh chấp) dư ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng thửa 102 và thửa 103 trên giấy chứng nhận là  $18.167\text{m}^2$ , đo thực tế là  $22.365\text{m}^2$ . Còn diện tích đất phía bà R, chị Kim A (chưa tính phần tranh chấp) thiếu so với chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng các thửa 38, 269, 104A, 105A, 106A, 106B, 107A, 107B, 108 tổng diện tích các thửa trên giấy chứng nhận là  $33.268\text{m}^2$ , đo thực tế  $32.367,2\text{m}^2$  (tờ trích đo có thêm các thửa 104B và thửa 105B do NLQ7 sử dụng). Như vậy, qua đo đạc thực tế thì đất của phía bà R thiếu, còn đất anh G dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh G cho rằng biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016 không có diện tích, không có số đo đầy đủ các cạnh nhưng trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lại thể hiện đầy đủ số đo các cạnh và diện tích là không đúng, không hợp pháp, khi đo đạc lần qua đất ông Phạm Hoàng D. Xét ý kiến tranh luận của Luật sư thấy rằng, việc cơ quan chuyên môn là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ra kết quả dựa trên cơ sở đo đạc và tính toán số liệu, hơn nữa khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016 thì hai bên đương sự đều có ký tên và có ông Phạm Hoàng D ký tên giáp ranh (bút lục 75-79). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay NLQ2, NLQ9 cũng không có yêu cầu đo đạc lại, do đó quan điểm của Luật sư là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về quá trình sử dụng đất, hai bên đương sự xác định ranh đất được chia làm 3 đoạn, trong đó: Đoạn thứ nhất: Từ sau nhà ở chạy dài ra tới vị trí bờ có tranh chấp thì nương của bên NLQ2 (chuyển cho con là anh T đứng tên), bờ của

bên bà R từ trước đến nay, hai bên đều thừa nhận, không có tranh chấp, không yêu cầu trong vụ án;

Đoạn thứ hai: Bờ có tranh chấp là bờ hậu cũ dài là 126,6m (từ vị trí 2-12 trên tờ trích đo số 43, ngày 19/10/2016), mặt ngang bờ tương đương 3m. Đoạn bờ này hai bên đều thừa nhận bờ là do bên bà R đắp từ trước ngang khoảng 1,5m, sử dụng lâu bị lở nhiều nên năm 2003 bên bà R thuê Kobe đắp thành bờ ngang khoảng hơn 4,5m, trước đây NLQ2 có đi chung bờ này với bên bà R. Phần NLQ2 cho rằng khoảng năm 1985-1986 ông có tự mình đào đắp kè ra thêm vào bờ này 0,8m, cho đến nay ông không bồi đắp gì thêm, do nước chảy sạt lở đầu bờ mất đi khoảng 0,3m nên NLQ2 đòi lấy qua đầu 0,5m chạy dài vào 0,8m (đo thực tế qua 1m);

Đoạn thứ ba: Tiếp theo đoạn bờ còn lại dài 329,31m (từ vị trí 12-9 trên tờ trích đo số 43, ngày 19/10/2016), chiều ngang đoạn bờ này là 2,5m, NLQ2 đòi cho bên anh G lấy ngang 1m (đo thực tế 0,6m). Cả hai bên đều xác định đoạn bờ này được đắp sau bờ hậu cũ, một số người làm chứng như ông H, ông B, ông Đ đều trình bày năm 1977 được NLQ2 thuê đắp bờ ngang 1,2m sau đó một hai năm thì ông TĐ (cha bà R) mới đắp thêm một bên hơn 1m nữa tạo thành bờ đi chung hơn 2m, đến thời bà R, chị Kim A vẫn công nhận đây là bờ đi chung. Thời gian sử dụng bị sạt lở còn lại hơn 1m, năm 2003 Kobe đã đắp lại bờ này thẳng liền với bờ hậu cũ là 4,5m về phía bên bà R.

Xét thấy, quá trình sử dụng bờ giáp ranh phía bà R, chị Kim A đã chứng minh được năm 2003 do bờ bị lở chỉ còn lại chưa đầy 01m bên bà đã thuê Kobe đắp lại thành bờ mới ngang 4,5m và sử dụng đến nay còn lại đầu bờ 2,6m chạy dài đến cuối bờ 3m (bút lục 92). Hơn nữa, năm 2012 khi hai bên tranh chấp chính quyền địa phương giải quyết với thành phần như ông Trương Thanh T, ông Phan Văn D và ông Phạm Hoàng E đều khai đã tiến hành kết hợp với địa chính xã xem xét thực tế, đo lại diện tích và đi đến giải quyết bằng biên bản ngày 03/12/2012 thì toàn bộ bờ ranh thuộc bên bà R sử dụng, NLQ2 cũng đồng ý ký tên, anh G có mặt nhưng không ký tên (bút lục 90, 95, 97, 101). NLQ2 cho rằng việc ký thống nhất ranh của ông vào năm 2012 không có giá trị với lý do đất ông đã sang tên

cho con đứng tên vào năm 2011 là không đúng, bởi lẽ thời điểm đó NLQ2 mới là người trực tiếp sử dụng đất, ranh giới sử dụng như thế nào ông là người biết rõ. Do đó, kháng cáo của anh G, NLQ2 và NLQ9 cũng như ý kiến tranh luận của Luật sư là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay qua động viên của Hội đồng xét xử, chị Kim A, NLQ3 đã tự nguyện nhường cho phía NLQ2 phần đất chiều ngang 0,4m, chiều dài 455,76m, còn chi phí đo đạc và thẩm định giá thì phía NLQ2 phải chịu. Xét thấy sự tự nguyện này của chị Kim A, NLQ3 là phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho phía NLQ2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh G, NLQ2, NLQ9 cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh G, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên anh G, NLQ2, NLQ9 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] NLQ2 được nhận lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 6.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 11, khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 105, Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh G, NLQ2, bà NLQ9.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim A, NLQ3 tại phiên tòa phúc thẩm.

Xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R và chị Lê Thị Kim A.

Buộc anh Nguyễn Trường G, NLQ2 và NLQ9 chấm dứt hành vi cản trở, bao chiếm, trả lại phần bờ giáp ranh tranh chấp đo thực tế diện tích 178,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho bà Trần Thị R và chị Lê Thị Kim A, có các cạnh gồm: cạnh giáp đất anh Nguyễn Trường G là 455,76m; cạnh giáp đất Lê Thị Phụng H, bà Trần Thị R là 0,2m; cạnh giáp đất bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A là 455,91m; cạnh giáp đất bà Trần Thị R, anh Nguyễn Văn T là 0,6m.

(Kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G)

2- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Trường G về việc buộc bà R trả lại phần bờ tranh chấp ngang ngoài 0,5m dài tới hết bờ hậu cũ 0,8m, chạy dài hết đất là 01m, không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại 09 cây tràm với giá 2.000.000đ.

Phần đất của hai bên được xác định lại như sau:

- Phần đất bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A sử dụng (có đất của NLQ7) có diện tích 32.185,2m<sup>2</sup> tại các thửa 38, 269, 104A, 104B, 105A, 105B, 106A, 106B, 107A, 107B, 108, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang có các cạnh:

- + Cạnh 4-2-9 giáp đất anh T và anh G bằng 563,76m;
- + Cạnh 4-5 giáp đất bà Trần Thị R bằng 55,5m;
- + Cạnh 5-6-7 giáp đất Đặng Thị Đ bằng 563,91m;
- + Cạnh 7-8-9 giáp đất bà Trần Thị R bằng 61,5m.

- Phần đất anh Nguyễn Trường G sử dụng diện tích 22.547m<sup>2</sup> tại các thửa 102, 103, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang có các cạnh:

- + Cạnh 2-9 giáp bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A bằng 455,76m;
- + Cạnh 9-10 giáp đất Lê Thị Phụng H bằng 50,2m;

- + Cạnh 10-11-1 giáp đất Phạm Hoàng D bằng 443,11m;
- + Cạnh 1-2 giáp đất Nguyễn Văn T bằng 51,80m.

(Kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G. Vị trí các điểm 2 và 9 của trích đo số 43-2016, ngày 19/10/2016 dịch chuyển về phía bà R 0,4m).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên phù hợp số đo và diện tích nêu trên khi các đương sự có yêu cầu.

3- Về án phí: Buộc anh G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 200.000đ, án phí do yêu cầu phản tố đòi bồi thường thiệt hại về tài sản không được chấp nhận là 200.000đ. Được khấu trừ số tiền 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02854 ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Anh G, NLQ2, NLQ9 không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 600.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo lai thu 0005344, 0005345 ngày 03/8/2017, lai thu 0000007 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A được nhận lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 02772 ngày 14/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4- Về chi phí tố tụng khác: Buộc anh Nguyễn Trường G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Thị R, chị Lê Thị Kim A chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ là 3.918.000đ (ba triệu chín trăm mười tám nghìn đồng) và chi phí định giá là 1.430.000đ (Một triệu bốn trăm ba chục nghìn đồng).

NLQ2 được nhận lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi Nhân:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Nhiên**